TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 31/2018/HS-ST
Ngày 11-4-2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG - TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Hòa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Tính
Ông Nguyễn Sỹ Luận

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Bùi Quang Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ số: 41/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1.1. **Nguyễn Hữu N** – sinh năm 1975, tại Thanh Hóa; HKTT và chỗ ở: Thôn 3, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 2/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Đ – không rõ năm sinh (đã chết) và bà Thiều Thị T, sinh năm 1927; bị cáo có vợ tên Phạm Thị H, sinh năm 1978 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1999 và nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án,tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02-12-2017 cho đến ngày 22-01-2018 được tại ngoại cho đến nay "có mặt".

1.2. **Lê Quang T** – sinh năm: 1975, tại Thanh Hóa; HKTT: Thôn S, xã Hùng S, huyện G, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Thôn 01, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang T1 – sinh năm 1936 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T– sinh năm 1936; bị cáo có vợ tên Vũ Thị H, sinh năm 1981 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004 và nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án,tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02-12-2017 cho đến ngày 22-01-

2018 được tại ngoại cho đến nay "có mặt".

1.3. **Lê Khắc L** – sinh năm: 1975, tại Thanh Hóa; HKTT và chỗ ở: Thôn 3, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Khắc T – sinh năm 1949 và bà Lê Thị L – sinh năm 1950; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H1 – sinh năm 1972 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992 và nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án,tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02-12-2017 cho đến ngày 22-01-2018 được tại ngoại cho đến nay "có mặt".

1.4. **Phan Văn C** – sinh năm: 1982, tại Hà Nội; HKTT: Thôn T, xã N, huyện Q, TP. Hà Nội; chỗ ở: Thôn 7, xã H, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T – sinh năm 1960 và bà Đỗ Thị S – sinh năm 1960; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H2 – sinh năm 1985 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004 và nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án,tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02-12-2017 cho đến ngày 26-01-2018 được tại ngoại cho đến nay "có mặt".

1.5. **Nguyễn Thị H** – sinh năm: 1972, tại Hà Nội, nghề nghiệp: Làm nông; HKTT và chỗ ở: Thôn 3, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H – không rõ năm sinh (đã chết) và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1928; bị cáo có chồng tên Lê Khắc L, sinh năm 1975 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992 và nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án,tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại "có mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm: 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

Ông Lê Quang N, sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương

Tạm trú: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01-12-2017, Lê Khắc L nhờ Nguyễn Hữu N, Lê Quang T và Phan Văn C đến sữa chữa nhà của mình tại thôn 3, xã B, huyện P. Đến 21 giờ cùng ngày thì N rủ L, T và C đánh bạc bằng hình thức chơi bài "phỏm" thắng thua bằng tiền, thì tất cả đồng ý. Trong lúc N rủ C, T, L đánh bạc thì Nguyễn Thị H (vợ L) biết. Sau khi tất cả đồng ý N nói H cho mượn số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc thì H đồng ý và đưa số tiền 2.000.000 đồng cho N mượn. Lúc này, T lấy bộ bài tây 52 lá có sẵn tại nhà L rồi cùng L, N và C cùng đánh bài "phỏm" thắng thua bằng tiền như sau: thua nhất 10.000 đồng, thua nhì 20.000 đồng, thua ba 30.000 đồng, cháy 40.000 đồng, "ù" 50.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Công an xã B, huyện P bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 6.121.000 đồng, 01 chiếc chiếu có in chữ hạnh phúc, màu đỏ có kích thước (1,6x 02)m; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá đã qua sử dụng:

Thu giữ trên người các đối tượng gồm:

Thu giữ của Nguyễn Hữu N 01 điện thoại di động hiệu oppo màu trắng và số tiền 7.027.000 đồng.

Thu giữ của Lê Quang T 01 điện thoại di động hiệu telego màu đen và số tiền 5.000 đồng.

Thu giữ của Lê Khắc L số tiền 3.047.000 đồng.

Thu giữ xung quang khu vực đánh bạc 01 xe mô tô biển số 61F1-029.76 của Lê Quang T; 01 xe mô tô biển số: 93P2-107.43 của Nguyễn Hữu N

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, các Điều 20, Điều 31; Điều 45; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N mức án từ 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ;

Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, các Điều 20, Điều 31; Điều 45; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Quang T mức án từ 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ;

Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, các Điều 20, Điều 31; Điều 45; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Khắc L mức án từ 08 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ;

Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, các Điều 20, Điều 31; Điều 45; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn C mức án từ 08 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ;

Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, các Điều 20, Điều 31; Điều 45; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H mức án từ 06 đến 08 tháng cải tạo không giam giữ;

Ngoài ra còn xử lý về vật chứng của vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án như: Biên bản phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án, nên có đủ căn cứ xác định: Ngày 01/12/2017, tại nhà của Lê Khắc L tại thôn 3, xã L, huyện P, Nguyễn Hữu N là người đã khởi xướng cho Lê Quang T, Lê Khắc L và Phan Văn C có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh bài "phỏm" thắng thua bằng tiền. Nguyễn Thị H cho Nguyễn Hữu N mượn số tiền 2.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 6.121.000 đồng *(Sáu triệu một trăm hai mươi mốt nghìn đồng).*

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu N, Lê Quang T, Lê Khắc L và Phan Văn C và Nguyễn Thị H đã phạm tội "Đánh bạc" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

*"*Người nào đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu

đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm".

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng tại địa phương. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện nhằm mục đích thu lợi cho bản thân.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là những người quen biết nhau do sống cùng địa phương, sau khi giúp Lê Khắc L sửa chữa nhà thì Nguyễn Hữu N nảy sinh ý định, khởi xướng và cùng các bị cáo còn lại thực hiện hành vi đánh bạc nhằm mục đích sát phạt nhau với mục đích để được lợi. Bị cáo Nguyễn Thị H mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc, nhưng H biết rõ việc N mượn số tiền 2.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc nhưng vẫn cho N mượn tiền nên phải chịu đồng phạm về tội Đánh bạc.

[4]. Xét về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn công cộng và là nguyên nhân gây nên các tội phạm khác, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

Với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5].Về nhân thân: Khi quyết định hình phạt cho bị cáo cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn, hoàn cảnh gia đình khó khăn, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đây là căn cứ để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại các điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử lý vật chứng:

Số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 6.121.000 đồng, các bị can dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với bộ bài tú lơ khơ 52 lá và 01 chiếc chiếu có in chữ hạnh phúc, màu đỏ có kích thước (1,6x 02)m đều đã qua sử dụng là công cụ sử dụng vào mục đích đánh bạc đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu telego màu đen và số tiền 5.000 đồng thu giữ trên người Lê Quang T lúc bắt quả tang, Quá trình điều tra chứng minh được Lê Quang T không sử số tiền 5.000 đồng và điện thoại trên vào việc đánh bạc nên cần trả lại.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu oppo màu trắng và số tiền 7.027.000 đồng thu giữ trên người Nguyễn Hữu N lúc bắt quả tang, Quá trình điều tra chứng minh được N không sử số tiền 7.027.000 đồng và điện thoại trên vào việc đánh bạc nên cần trả lại cho N.

Đối số tiền 3.047.000 đồng thu giữ trên người Lê Khắc L lúc bắt quả tang, Quá trình điều tra chứng minh được L không sử số tiền này vào việc đánh bạc nên cần trả lại cho L.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Novo, biển số: 61F1-02976 là tài sản hợp pháp của ông Lê Quang N (anh T), T đã mượn đến nơi đánh bạc ông Lê Quang N không biết và T cũng không sử dụng xe mô tô trên vào mục đích đánh bạc nên ngày 15-01-2015 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng đã trả lại cho ông N.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Vision, biển số: 93P2-107.43 là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị Thùy D (con N), N đã mượn đến nơi đánh bạc bà D không biết và N cũng không sử dụng xe mô tô trên vào mục đích đánh bạc nên ngày 15-01-2015 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng đã trả lại cho bà D.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, áp dụng pháp luật và mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Hữu N, Lê Quang T, Lê Khắc L, Phan Văn C và Nguyễn Thị H** phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 31; Điều 45; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu N** 12 tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam trước đó từ ngày (02-12-2017 đến 22-01-2018) là 01 tháng 20 ngày quy đổi bằng 5 tháng, còn lại 07 tháng bị cáo phải chấp hành. Thời hạn tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được Quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Lê Quang T** 12 tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam trước đó từ ngày (02-12-2017 đến 22-01-2018) là 01 tháng 20 ngày quy đổi bằng 5 tháng, còn lại 07 tháng bị cáo phải chấp hành. Thời hạn tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được Quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Lê Khắc L** 10 tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam trước đó từ ngày (02-12-2017 đến 22-01-2018) là 01 tháng 20 ngày quy đổi bằng 5 tháng, còn lại 05 tháng bị cáo phải chấp hành. Thời hạn tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được Quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Phan Văn C** 10 tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam trước đó từ ngày (02-12-2017 đến 26-01-2018) là 01 tháng 24 ngày quy đổi bằng 5 tháng 12 ngày, còn lại 04 tháng 18 ngày bị cáo phải chấp hành. Thời hạn tính từ ngày chính quyền địa phương nhận được Quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 06 tháng cải tạo không giam giữ

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu N, Lê Quang T, Lê Khắc L, Phan Văn C và Nguyễn Thị H về chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý giáo dục.

2.Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với: Số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.121.000 đồng
- Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá; 01 chiếc chiếu có in chữ hạnh phúc, màu đỏ có kích thước (1,6x 02)m
- Tuyên trả lại:

+ 01 Điện thoại di động hiệu telego màu đen và số tiền 5.000 đồng cho Lê Quang T

+ 01 Điện thoại di động hiệu oppo màu trắng và số tiền 7.027.000 cho Nguyễn Hữu N

+ Số tiền 3.047.000 đồng cho Lê Khắc L

+ 01 Xe mô tô hiệu Novo, biển số: 61F1-02976 cho ông Lê Quang N.

+ 01 Xe mô tô hiệu Vision, biển số: 93P2-107.43 cho chị Nguyễn Thị Thùy D.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí các bị cáo **Nguyễn Hữu N, Lê Quang T, Lê Khắc L, Phan Văn C và Nguyễn Thị H** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Phú Riềng;*
- *Chi cục THADS huyện Phú Riềng;*
- *CA huyện Phú Riềng;*
- *Nhà tạm giữ CA huyện Phú Riềng*
- *Bị cáo; người tham gia tố tụng*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Viết Hòa